



**DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.01S.2025.1579>**

## **VAI TRÒ CỦA MỸ TRONG VẤN ĐỀ CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM KHÔNG THI HÀNH NGHIÊM CHỈNH CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HIỆP ĐỊNH GIONEVO 1954-1956**

**Lê Đình Trọng<sup>1</sup> và Nguyễn Thị Mai Hương<sup>2,3\*</sup>**

<sup>1</sup>*Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

<sup>3</sup>*Trường Trung học phổ thông Phan Việt Thống, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

*\*Tác giả liên hệ, Email: [maihuong.pvt@gmail.com](mailto:maihuong.pvt@gmail.com)*

### **Lịch sử bài báo**

*Ngày nhận: 14/5/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 23/6/2025; Ngày duyệt đăng: 10/7/2025*

### **Tóm tắt**

*Thời điểm cuộc Chiến tranh Đông Dương còn đang diễn ra, Mỹ đã nhận thức được Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng trong cuộc đối đầu với phe xã hội chủ nghĩa. Chiến tranh vừa kết thúc, chính phủ Mỹ nhận thấy cần có một chính quyền mới thay Pháp, có khả năng giúp duy trì được sự ảnh hưởng của Mỹ ở Nam Việt Nam. Với sự giúp sức của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ra đời, có mối liên hệ về lợi ích với Mỹ. Năm 1954, Hiệp định Gionevo về Đông Dương được ký kết. Nhiều điều khoản của Hiệp định đã ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của cả Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích vai trò của Mỹ trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế và xã hội trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Gionevo 1954-1956. Bài viết góp phần cung cấp những luận cứ khoa học về thời kỳ lịch sử những năm đầu sau Hiệp định Gionevo, giúp làm rõ thêm về nguyên nhân dẫn đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).*

**Từ khóa:** *Chính quyền Ngô Đình Diệm, Hiệp định Gionevo, miền Nam Việt Nam, Mỹ.*

Trích dẫn: Lê, Đ. T., & Nguyễn, T. M. H. (2025). Vai trò của Mỹ trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của hiệp định Gionevo 1954-1956. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(01S), 234-245. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.01S.2025.1579>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **THE ROLE OF THE UNITED STATES IN THE ISSUE OF THE NGO DINH DIEM GOVERNMENT'S FAILURE TO STRICTLY IMPLEMENT THE PROVISIONS OF THE GENEVA AGREEMENT 1954-1956**

**Le Dinh Trong<sup>1</sup> and Nguyen Thi Mai Huong<sup>2,3\*</sup>**

<sup>1</sup>*Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,  
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>3</sup>*Phan Viet Thong High School, Dong Thap province, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: maihuong.pvt@gmail.com*

### **Article history**

*Received: 14/5/2025; Received in revised form: 23/6/2025; Accepted: 10/7/2025*

### **Abstract**

*When the Indochina War was going, the United States recognized Vietnam's important strategic location in the confrontation with the socialist bloc. Immediately after the war ended, the United States government realized the need for a new government to replace France, one capable of helping maintain American influence in South Vietnam. With United States assistance, the Ngo Dinh Diem administration was established, aligning its interests with those of the United States. In 1954, the Geneva Accords on Indochina were signed. Many provisions of the Accords significantly impacted the interests of both the United States and the Republic of Vietnam government. This article will analyze the role of the United States in the political, military, economic, and social spheres concerning the Ngo Dinh Diem administration's failure to strictly implement the provisions of the 1954-1956 Geneva Accords. The article contributes scientific arguments about historical period of the early years after the Geneva agreement, helping to further clarify the cause that led to the Anti-American Resistance War to Save the Country (1954-1975).*

**Keywords:** *Ngo Dinh Diem government, Geneva Agreement, Southern Vietnam, the United States.*

## **1. Giới thiệu**

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và bản Tuyên bố cuối cùng của hội nghị Giơnevơ, qui định việc tổng tuyển cử thống nhất 2 miền Nam - Bắc Việt Nam sau 2 năm Hiệp định được kí kết đã được các bên thông qua vào ngày 21/7/1954. Những tưởng, nhân dân Việt Nam sẽ được hưởng nền một nền hoà bình, độc lập, tự do và đất nước được thống nhất, nhưng tất cả những điều đó phải đến 20 năm sau mới trở thành hiện thực. Toàn thể dân tộc Việt Nam đã trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) đầy khó khăn, thử thách. Bàn về nguyên nhân dẫn đến cuộc kháng chiến đã được nhiều công trình đề cập đến, như: Nhóm công trình nghiên cứu về phong trào Đồng Khởi có *Đồng Khởi Ở Bến Tre* (Quỳnh, 1985), *Phong trào Đồng khởi của quân và dân miền Nam* (Lê, 2012); tập II bộ *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975* (Nguyễn, 1996); *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập II (1954-1975)* (Trần, 2011); bài viết “Cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam” trong quyển *Hiệp định Giơnevơ: 50 năm nhìn lại* (Lê, 2015). Trong đó, vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu thống nhất trong quan điểm rằng chính quyền Ngô Đình Diệm đã không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ 1954-1956 và đây được cho là sự khởi nguồn của chiến tranh. Hay trong công trình *300 ngày đấu tranh, thi hành Hiệp định Giơnevơ 22/7/1954-17/5/1955* (Nhiều tác giả, 2019), các tác giả đã có phân tích khá rõ về âm mưu phá hoại hiệp định của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và chính phủ Ngô Đình Diệm. Bên cạnh đó, cũng có nhiều công trình khẳng định vai trò của Mỹ đối với sự tồn tại của chính quyền ở miền Nam Việt Nam thời điểm đó thông qua các khoản viện trợ mà chính phủ Mỹ đã dành cho chính quyền này, cụ thể: *Kinh tế miền Nam thời kỳ 1955-1975* (Đặng, 2004), *Miền Nam Việt Nam từ sau Điện Biên Phủ* (Nguyễn, 2008). Trên cơ sở tổng hợp, khai thác nhiều nguồn tư liệu, bài viết này sẽ tiến hành phân tích tác động của những điều khoản của Hiệp định đến lợi ích của Mỹ, chính quyền Sài Gòn và phân tích mối liên hệ giữa Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm trong vấn đề thực thi Hiệp định Giơnevơ ở Việt Nam trong thập niên 1950. Từ đó, chúng tôi sẽ làm rõ vai trò của Mỹ trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ 1954-1956. Chúng tôi hi vọng bài viết sẽ bổ sung thêm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu về cuộc chiến tranh ở Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Nguồn gốc sự dính líu của Mỹ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm**

#### **2.1.1. Quan điểm của Mỹ về vị trí chiến lược của Việt Nam trong cục diện Đông - Tây**

Trong bối cảnh cuộc Chiến tranh lạnh, Việt Nam giữ vai trò cực kì quan trọng trong cục diện Đông - Tây, nhất là đối với Mỹ trong cuộc đối đầu với phe xã hội chủ nghĩa. Mỹ coi Việt Nam là lá chắn, ngăn chặn sự lan rộng chủ nghĩa cộng sản ra toàn khu vực Đông Nam Á và bằng mọi giá không để mất Việt Nam, ít nhất Nam Việt Nam vào tay cộng sản. Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ đã xác định: Đông Nam Á không chỉ bị đe dọa bởi sự liên kết của Bắc Kỳ với phe Cộng sản mà còn cho rằng nếu Đông Nam Á trở thành Cộng sản thì sẽ đe dọa đến vị thế của Hoa Kỳ tại chuỗi đảo ngoài khơi Thái Bình Dương và sẽ gây nguy hiểm nghiêm trọng cho các lợi ích an ninh cơ bản của Hoa Kỳ ở Viễn Đông (John, 1981). Thêm nữa, Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ còn nhìn thấy những giá trị mà khu vực Đông Nam Á mang lại: Eo biển Malacca, Sunda và Lombok có ý nghĩa chiến lược là những cửa ngõ từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương; Đông Nam Á là "bàn đạp" từ Trung Quốc đến Úc; cảng biển thương mại và "căn cứ hải quân quan trọng" của Singapore; Đông Dương, như hồ sơ về sự thâm nhập của quân đội Nhật Bản chỉ ra, là chìa khóa quan trọng đối với Đông Nam Á"; các căn cứ quân sự của Philippines; về mặt kinh tế, Đông Nam Á sản xuất 60% thiếc của thế giới và khoảng 90% cao su tự nhiên, đồng thời "sản xuất 2,5% tổng sản lượng dầu mỏ của thế giới", chủ yếu từ Indonesia và Brunei; Miến Điện, Thái Lan và Indonesia theo truyền thống là vựa lúa của

Châu Á....". Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ vào năm 1954 thể hiện được nhiều lợi ích và Mỹ đánh giá khối Cộng sản phù nhận tài nguyên, giá trị quân sự và người dân của khu vực này. Đó chính là lý do buộc Mỹ phải tranh thủ (John, 1981). Sau này, trong bài phát biểu ngày 04 tháng 4 năm 1959, Tổng thống Eisenhower có nêu ra tầm quan trọng của Việt Nam đối với lợi ích của Hoa Kỳ, ông cho rằng: Về mặt chiến lược, việc Cộng sản chiếm được Nam Việt Nam sẽ đưa sức mạnh của họ vào khu vực tự do trước đây vài trăm dặm. Các quốc gia còn lại ở Đông Nam Á sẽ bị đe dọa. Tự do của 12 triệu người sẽ bị mất ngay lập tức và tự do của 150 triệu người khác ở vùng đất lân cận cũng đứng trước nguy cơ (John, 1981).

Xuất phát từ những nhận định trên, trong những năm 1949-1954, Mỹ đã có những động thái, chính sách gây ảnh hưởng nhiều đến tình hình Việt Nam. Điều này được phản ánh rõ như sau:

Trước hết là đối với cuộc chiến tranh Đông Dương. Từ khi chính quyền Truman để mất Trung Quốc vào tay Cộng sản, lại thêm hiệp định đình chiến được ký kết tại Triều Tiên vào năm 1953, cả Eisenhower và Bộ trưởng Ngoại giao Dulles đều chuyển sự chú ý của họ sang tình hình Đông Dương. Họ e ngại sự mở rộng vai trò của Trung Quốc ở bán đảo Đông Dương, căng thẳng hơn là có những báo cáo về việc Trung Quốc đang chuyển lượng lớn vũ khí đến miền Nam Trung Quốc, Việt Nam và đẩy nhanh việc huấn luyện, trang bị cho Việt Minh. Tổng thống Eisenhower cũng ý thức được tầm quan trọng của việc giữ lại Đông Dương và cho rằng sự sụp đổ của Đông Dương sẽ dẫn đến một phản ứng dây chuyền dẫn đến sự sụp đổ ở Đông Nam Á, Đông Nam Á sẽ rơi vào tay những người cộng sản (David, 2009). Ngay lúc này, việc Pháp tiếp tục đấu tranh chống lại Việt Minh là điều quan trọng hơn hết. Chính vì vậy, Mỹ đã sẵn sàng tăng cường đầu tư cho Pháp, không chỉ nhằm mục đích cố gắng giữ lại Đông Dương mà cả việc bảo vệ uy tín cho Mỹ trước thế giới vì đây là cuộc chiến có sự can thiệp, ủng hộ của Mỹ kể từ năm 1949: Hoa Kỳ đã chi năm mươi triệu đô la viện trợ cho Pháp và trong năm tài chính 1953, một phần ba chi phí chiến tranh của Pháp đã được Hoa Kỳ chi trả (David, 2009).

Sau là đối với Hội nghị Giơnevơ năm 1954. Khi chiến tranh Đông Dương được đưa vào thảo luận tại hội nghị, Mỹ đã tỏ rõ sự kiên định lập trường đàm phán với các đồng minh của Mỹ là ngầm thừa nhận khả năng phân chia Việt Nam, quyết tâm ngăn chặn sự mở rộng của chính quyền cộng sản đối với người dân và lãnh thổ Việt Nam, với mục đích cao nhất là không làm suy yếu nghiêm trọng quyền tự do hành động của Mỹ. Tất cả được thể hiện qua nội dung danh sách bảy điểm thứ hai, đã được chính quyền Eisenhower đưa ra, gồm có:

1. Việt Minh rút quân khỏi Campuchia, Lào và bảo vệ toàn vẹn, độc lập của hai nước.
2. Phân chia không thấp hơn vĩ tuyến 17.
3. Không có hạn chế nào đối với các quốc gia Đông Dương có thể cản trở khả năng duy trì các quốc gia ổn định, phi cộng sản (ví dụ: đủ lực lượng an ninh nội bộ và quyền nhập khẩu vũ khí hoặc yêu cầu viện trợ từ cố vấn nước ngoài).
4. Không có điều khoản chính trị nào có thể dẫn đến việc cộng sản tiếp quản hoàn toàn.
5. Không có gì có thể ngăn cản việc thống nhất Việt Nam vào thời điểm sau này bằng biện pháp hòa bình.
6. Quyền của người dân được chuyển một cách hòa bình từ vùng này sang vùng khác.
7. Một sự sắp xếp hiệu quả cho quyền kiểm soát quốc tế. (Rourke, 1988)

Nhận thức được vị trí chiến lược của Việt Nam, trong suốt những năm 1949-1954, Mỹ đã có nhiều hành động, đối sách để bảo vệ lợi ích của Mỹ. Từ kết quả của hội nghị Giơnevơ, Mỹ đã có cơ sở để duy trì sự ảnh hưởng của mình lên một phần đất nước Việt Nam, đó là miền Nam Việt Nam. Song với điều đó, Việt Nam tạm bị chia cắt thành 2 miền theo vĩ tuyến 17, nhân dân Việt Nam bị đặt trước những nguy cơ, thách thức mới.

### *2.1.2. Nguồn gốc của chính quyền Ngô Đình Diệm*

Trong bối cảnh mới, cùng với tuyên bố của Tổng thống Eisenhower rằng Mỹ không ký kết và không bị ràng buộc bởi Hiệp định Giơnevơ, ngay sau Hiệp định được ký, chính phủ Mỹ cần có một chính quyền mới thay thế cho đồng minh Pháp ở Nam Việt Nam, một chính quyền thân Mỹ, có khả năng giúp duy trì được sự ảnh hưởng của Mỹ ở Nam Việt Nam. Từ đầu tháng 6 năm 1954, Ngô Đình Diệm được Mỹ đưa về miền Nam. Được sự hậu thuẫn của Mỹ, một chính quyền mới, do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã được ra đời ở Nam vĩ tuyến 17: “Dưới sức ép của đế quốc Mỹ, ngày 16 tháng 6 năm 1954, Bảo Đại ký Sắc lệnh số 38/QT chỉ định Ngô Đình Diệm làm thủ tướng chính phủ và thành lập nội các mới, thân Mỹ; ba ngày sau (19/6/1954), tại Pari, Bảo Đại ký dự số 15 ủy nhiệm cho Ngô Đình Diệm, thủ tướng chính phủ toàn quyền về quân sự và dân sự. Ngày 7 tháng 7 năm 1954, Ngô Đình Diệm chính thức lên làm thủ tướng, thay Bửu Lộc. Tháng 9 năm 1954, đế quốc Mỹ quyết định viện trợ trực tiếp cho Ngô Đình Diệm” (Nhiều tác giả, 2019).

Nguyên nhân Ngô Đình Diệm được Mỹ chọn được ghi nhận trong tài liệu CIA như sau: “Sở dĩ Ngô Đình Diệm được Mỹ chọn ủng hộ vì ông có được 3 yếu tố mà hiếm có nhân vật nào lúc đó đạt được: Chống Cộng, Thiên Chúa giáo và giỏi tiếng Anh. Yếu tố tiếng Anh hết sức quan trọng, vào thời điểm đó, đa số quan chức Việt Nam đều ảnh hưởng chương trình Pháp, nói và viết tiếng Pháp thông thạo, thậm chí nhiều người còn giữ quốc tịch Pháp” (Phan, 2019). Trong các cuộc thảo luận giữa Bộ trưởng Ngoại giao Dulles với các nhà chức trách Pháp, người Mỹ thể hiện sự tin cậy vào thực lực chống cộng của chính quyền Ngô Đình Diệm: “Hoa Kỳ ủng hộ mọi Chính phủ Việt Nam có thực lực, thành thật, Quốc gia và chống Cộng. Chính phủ của Thủ tướng Ngô Đình Diệm có đủ những điều kiện đó (...). Ngoại trưởng Hoa Kỳ đã bình vực Chính phủ của Thủ tướng Diệm trong các cuộc thảo luận vì Chính phủ đó có thực lực, đáng tin cậy, chống Cộng” (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1955).

Về phía Ngô Đình Diệm, trước mắt phải chấp nhận gần tương lai của chính quyền miền Nam vào chính quyền Mỹ vì thực tế cho thấy Ngô Đình Diệm không thể làm gì khác hơn. Ngay sau khi về nước, Ngô Đình Diệm không nhận được bất kỳ lực lượng nào trong nước ủng hộ để làm chỗ dựa cho việc thiết lập quyền lực của mình ở Nam Việt Nam và để đủ sức đối đầu với chính quyền ở Bắc Việt Nam. Quân chúng Việt Nam không có chút hào hứng cho sự trở lại của Ngô Đình Diệm, chỉ có khoảng 500 người đón tiếp tại sân bay, đó là những quan lại già nua, các chức sắc Công giáo và nhân viên cao cấp của Chính phủ. Ngô Đình Diệm đã chỉ trích Ngô Đình Nhu gay gắt: “Chú đánh điện qua Pháp bảo với tôi rằng mọi việc ở nhà đã xong xuôi, sẵn sàng cả rồi. Bây giờ tôi về lại gặp không biết bao nhiêu là khó khăn. Không ai thèm hợp tác với tôi” (Đặng, 2004). Trước đó, Ngô Đình Diệm không được Nhật trọng dụng và cũng không tìm kiếm được quyền lực từ Pháp và Bảo Đại.

Như vậy, chính quyền Ngô Đình Diệm ra đời với sự gắn kết về lợi ích cho cả hai phía: về phía chính quyền, sẽ đảm đương sứ mệnh chống cộng, giúp Mỹ ngăn chặn sự lan rộng của chủ nghĩa cộng sản ở miền Nam Việt Nam; còn về phía Mỹ, phải tạo điều kiện cho sự tồn tại và đảm bảo quyền lực của chính quyền miền Nam.

### **2.2. Tác động những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đến lợi ích của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa**

Đối với Mỹ, so nội dung danh sách bảy điểm mà Mỹ đã đưa ra trước đây với nội dung các điều khoản được thông qua tại Hội nghị Giơnevơ, chúng ta xác định được, ở mức độ nào đó, Mỹ đã có được thành công và có thể tranh thủ điều này để tiếp tục cuộc đối đầu với chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam:

*Một là*, qui định giới tuyến quân sự tạm thời là tại vĩ tuyến 17. Như vậy, miền Nam Việt Nam được giữ lại đúng theo sự kỳ vọng của Mỹ. Đặc biệt hơn, toàn vẹn và độc lập của Lào,

Campuchia được bảo tồn, cùng với đó, Việt Minh sẽ phải rút lui hoặc giải tán. Ở Lào, Campuchia, Việt Nam sẽ không bị ngăn cản thành lập chế độ “phi cộng sản”, riêng ở Việt Nam là trong giai đoạn trước tổng tuyển cử thống nhất hai miền vào tháng 7 năm 1956. Thỏa hiệp 2 năm này sẽ mang lại cho chính quyền Mỹ một khoảng thời gian đáng kể và kết hợp với việc tranh thủ các thỏa thuận cho phép việc chuyển giao những cá nhân muốn di chuyển từ khu vực này đến khu vực khác để có thể xoay chuyển cục diện cho cuộc tổng tuyển cử (vì xét về dân số ở Nam Việt Nam thời điểm đó hoàn toàn bất lợi cho Ngô Đình Diệm nếu tổng tuyển cử diễn ra, miền Bắc đang là 12 triệu dân, trong khi ở miền Nam đang là 11 triệu) (Nguyễn, 2015).

Hai là, không qui định rõ ràng việc cấm duy trì lực lượng đủ để đảm bảo an ninh nội bộ ở hai miền sau kết thúc chiến tranh. Tuy nhiên, quyền nhập khẩu vũ khí và vật tư chiến tranh khác của Việt Nam bị hạn chế ở việc thay thế từng phần, các cố vấn nước ngoài cũng bị giới hạn về số lượng.

Đối với chính quyền Việt Nam Cộng hoà, khi phân tích về nội dung Hiệp định Gionevo, chính quyền đã chỉ ra những điều khoản có thể chấp nhận được, xét thấy có lợi cho việc duy trì quyền lực của chính quyền, bao gồm: Qui định giới tuyến quân sự tạm thời (vĩ tuyến 17), thành lập một khu phi quân sự dọc theo giới tuyến để tách rời lực lượng hai bên, lãnh thổ hai bên không được sử dụng để gây lại chiến tranh hay phục vụ cho chiến tranh xâm lược; đình chỉ chiến cuộc trên toàn cõi Việt Nam; tập hợp quân đội cộng sản vào một số khu nhất định rồi rút ra phía Bắc vĩ tuyến 17; dân chúng được quyền di chuyển từ vùng do bên này kiểm soát sang vùng bên kia kiểm soát; đối đãi với tù binh và thường dân bị giam giữ. Bên cạnh đó, một số điều khoản được cho là gây phương hại đến sự sống còn của chính quyền, khiến cho chính quyền bị cô thế trước cộng sản cũng được chính quyền chỉ ra như sau: cấm tăng quân đội, vũ khí; cấm thiết lập căn cứ quân sự mới; cấm đem vũ khí từ ngoài vào, cấm thiết lập căn cứ quân sự ngoại quốc, cấm gia nhập liên minh quân sự nước ngoài; chịu sự giám sát và kiểm soát sự đình chỉ chiến cuộc bởi Ủy hội Quốc tế; tổng tuyển cử để thống nhất xứ sở, ấn định thời gian cho tổng tuyển cử (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1954).

Căn cứ vào các điều được nêu trên thì lợi ích của cả Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đều bị ảnh hưởng bởi các điều khoản của Hiệp định Gionevo cũng như các điểm được qui định trong bản Tuyên bố cuối cùng của hội nghị Gionevo. Đầu tiên là việc qui định tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam vào năm 1956. Kế đến là các điều khoản qui định về quân đội, vũ khí, căn cứ và nhân viên quân sự. Cùng với mối quan hệ giữa Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã được tìm hiểu trước đó, chúng ta có thể kết luận rằng: có vai trò của Mỹ trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Gionevo.

### **2.3. Vai trò của Mỹ trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Gionevo 1954 - 1956**

Với mục đích ngăn chặn sự mở rộng hơn nữa của chủ nghĩa cộng sản và tìm cách biến Nam Việt Nam thành một thành trì quan trọng trên đường ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. Hoa Kỳ đã quyết tâm rằng chính quyền miền Nam có thể trở nên vững mạnh về mặt chính trị, tự chủ về kinh tế và có khả năng quân sự để tự bảo vệ an ninh nội bộ, đối phó với cuộc xâm lược của Bắc Việt Nam và đóng góp vào sức mạnh răn đe của liên minh SEATO (được thành lập vào tháng 9 năm 1954, sự bảo vệ của SEATO được mở rộng sang Việt Nam theo một nghị định thư của Hiệp ước Manila). Cho nên, Mỹ luôn thể hiện vai trò của Mỹ trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Gionevo (được cho là ảnh hưởng đến lợi ích của cả Mỹ và chính quyền) trong những năm 1954 - 1956. Cụ thể:

### *2.3.1. Về chính trị*

Nhằm hướng tới phá hoại cuộc tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam diễn ra vào năm 1956, trong những năm 1954-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện nhiều hành động, chính sách ở miền Nam và theo sau mỗi hành động, mỗi chính sách đều có vai trò của Mỹ trong đó.

Mỹ đóng vai trò hậu thuẫn cho chính sách kêu gọi dân di cư vào Nam của chính quyền miền Nam, với mục tiêu là tranh thủ về dân số cho chính quyền Ngô Đình Diệm trong cuộc tổng tuyển cử sau hai năm. Ngay sau Hiệp định Giơnevơ vừa được ký kết một ngày, Thủ tướng Ngô Đình Diệm kêu gọi người dân Bắc Việt và 4 tỉnh miền Trung về với Chính phủ quốc gia, đồng bào sẽ được hưởng chế độ tự do, được nâng đỡ đầy đủ mọi phương diện vật chất tinh thần, được lựa chọn nơi mình sinh sống. Với sự giúp đỡ của các nước bạn, vấn đề sinh kế của đồng bào di cư sẽ được giải quyết (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1954). Có sự trợ giúp của Mỹ khi thực hiện chính sách này, Mỹ đã cung cấp phương tiện vận chuyển dân di cư (có 109 chuyến vận chuyển bằng tàu thủy), viện trợ số tiền chi tiêu cho công cuộc di cư là 2.473.615.000 đồng (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1956). Không những vậy, Hoa Kỳ còn tiếp tục viện trợ cho cả việc tái định cư cho những người tị nạn sau khi họ đến vùng phía Nam: Viện trợ vật chất bao gồm 1.350.000 đô la, mua gỗ xẻ, mái lợp xây dựng nơi trú ẩn, dụng cụ cầm tay và 11.272 tấm chăn. Mỹ đã góp 2.000 chiếc lều, đủ để che chở cho 40.000 người tị nạn." Đến ngày đóng cửa hai vùng vào tháng 5 năm 1955, Hoa Kỳ đã phân bổ 45.000.000 đô la tiền vật tư và viện trợ để giúp che chở cho những người tị nạn (Mary, 1961).

Mỹ đã chủ mưu, giật dây cho chính quyền Sài Gòn trong việc phá hoại cuộc tổng tuyển cử:

Người Mỹ biết chắc rằng nếu tổng tuyển cử diễn ra thì đa số người dân sẽ không lựa chọn Ngô Đình Diệm. Do đó, họ quyết không thể để điều này xảy ra: Năm 1956, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Mỹ, Dulles đã đệ trình lên tổng thống Mỹ Eisenhower báo cáo dự đoán nếu bầu cử thì khoảng 80% dân số Việt Nam sẽ bầu cho Hồ Chí Minh, và "thắng lợi của Hồ Chí Minh sẽ như nước triều dâng không thể cản nổi". Trước tình thế đó, Ngô Đình Diệm chỉ có một con đường duy nhất là không thi hành Hiệp định Giơnevơ. Được Mỹ khuyến khích, Ngô Đình Diệm đã tìm mọi cách để từ chối tổng tuyển cử (Nguyễn, 2015).

Ngay sau lời tuyên bố truyền thanh của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/7/1955 về Hiệp định Giơnevơ và vấn đề thống nhất đất nước, chính phủ của Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã nêu ra những điều kiện tối thiểu cho phép cuộc tổng tuyển cử được tiến hành hoàn toàn tự do: phải giải tán quân đội Việt Cộng; phải giải tán tức khắc và toàn thể những cơ cấu tổ chức độc tài mệnh danh là "tổ chức nhân dân", đoàn thanh niên, phụ nữ cứu quốc,...; sau khi thực hiện giải tán như đã nêu phải để thời gian đủ để cho nhân dân nhận định, quan sát để lựa chọn hai xu hướng, chánh trị cộng sản hay dân chủ tự do, thời gian này không phải một vài năm là đủ; phải có một cơ quan quốc tế do Liên Hiệp quốc cử ra để kiểm soát Tuyên cử (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1955). Xem xét các điều kiện mà chính quyền Ngô Đình Diệm đưa ra, chúng ta hiểu được rằng tổng tuyển cử sẽ không bao giờ diễn ra. Như vậy, việc tổng tuyển cử trong Tuyên bố cuối cùng của hội nghị Giơnevơ sẽ không được tiến hành như quy định.

Song với đó, lý do Việt Cộng ký Hiệp định Giơnevơ gây chia xẻ đất nước Việt Nam, chiến dịch "tổ cộng" đã được phát động bởi chính quyền Nam Việt Nam bằng nhiều cách thức: tuyên truyền, lên án hiệp định Giơnevơ là văn tự bán nước; nhiều khẩu hiệu được phổ biến trong dân như "hợp tác với cộng sản là phản quốc", "tổ cáo cộng sản là cứu nước" (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1955). Vấn đề này kéo theo nhiều điều khoản của Hiệp định Giơnevơ như là cấm phân biệt đối xử với những gia đình có người tham gia kháng chiến trước đây, việc thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân 2 miền đã bị vi phạm nghiêm trọng bởi chính quyền Sài Gòn.

Tiếp đến, ngày 17/7/1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố không có hiệp thương, tổng tuyển cử. Ngày 23/10/1955, Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc "trưng cầu dân ý" phế truất Bảo Đại và tự xưng Tổng thống Việt Nam Cộng hoà. Ngô Đình Diệm được các nhà lãnh đạo Mỹ nhắc nhở rằng, muốn cai trị trong thời đại ngày nay, người ta cần có một Quốc hội và một Hiến pháp (Nguyễn, 2008). Từ sự đạo diễn của Mỹ, ngày 4/3/1956, Ngô Đình Diệm tổ chức tuyển cử, bầu ra Quốc hội. Tháng 10 năm 1956, Ngô Đình Diệm ban hành hiến pháp của "nền đệ nhất cộng hoà", một số nước tư bản đồng minh của Mỹ lập tức công nhận chính quyền Diệm là "hợp hiến, hợp pháp" (Nguyễn, 1996).

### *2.3.2. Về quân sự*

Việc phát triển Quân đội Quốc gia Việt Nam là ưu tiên hàng đầu của chính phủ Mỹ bởi vì cần có Quân đội Quốc gia đủ lớn để chống lại bất kỳ cuộc xâm lược nào có thể xảy ra của Cộng sản từ phía bắc cũng như chứng minh sức mạnh với những người Cộng sản ở phía bắc. Cho nên, trong lĩnh vực quân sự, Mỹ hỗ trợ đặc lực cho chính quyền Sài Gòn trong vai trò tổ chức, huấn luyện cho quân đội, đồng thời viện trợ tài chính, cung cấp trang thiết bị, phương tiện chiến tranh.

Về vấn đề huấn luyện Quân đội Quốc gia Việt Nam, nhân cuộc họp báo ngày 12/2/1955, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã có tuyên bố: "Các nhân viên Hoa Kỳ cùng các nhân viên Pháp sẽ làm cố vấn và huấn luyện cho Quân đội Quốc gia Việt Nam. Số cố vấn và huấn luyện viên này sẽ lần lần giảm bớt đi theo với sự tinh thực của quân đội Quốc gia Việt Nam" (Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, 1955). Chính quyền Việt Nam Cộng hoà và Mỹ đã vi phạm các điều cấm về quân sự của Hiệp định: "Diệm còn mời chuyên viên quân sự Nhật vào để nghiên cứu tình hình trang bị cho quân đội và dựa vào Nhật để sửa chữa hoặc đổi các vũ khí, dụng cụ chiến tranh. Phái bộ quân sự hỗn hợp huấn luyện của Pháp, Mỹ (TRIM) trước đây, nay Mỹ gạt hẳn Pháp và đổi thành CATO. Tô chức này tháng 9 năm 1955 có 351 cố vấn và huấn luyện viên, đến tháng 3 năm 1956 đã tăng lên 1.200. Cuối tháng 4 năm 1956, Mỹ đưa thêm vào CATO một đoàn nhân viên quân sự lấy tên là TERM gồm 350 tên với danh nghĩa kiểm tra thanh toán viện trợ của Mỹ cho Pháp. Dưới CATO có các "Ban nghiên huấn" tức là các bộ máy chỉ huy để nắm từ Bộ Tổng tham mưu nguy, các quân khu, đến các đơn vị và kiểm soát mọi mặt các căn cứ, kho tàng, các trường huấn luyện và hoạt động tác chiến, quản lý hành chính" (Nguyễn, 1996).

Trong năm tài chính 1955, chính phủ Mỹ đã phân bổ 234,8 triệu đô la cho viện trợ quân sự và 85,4 triệu đô la cho viện trợ kinh tế ở Nam Việt Nam. Trong năm tài chính 1956, viện trợ quân sự bao gồm 359,7 triệu đô la, trong khi viện trợ kinh tế tăng lên 170 triệu đô la cho chính quyền miền Nam. Các kế hoạch cuối cùng kêu gọi một lực lượng thường trực gồm 150.000 người, được hỗ trợ bởi các đơn vị dân quân cơ động với tổng số 45.000 người và các đơn vị phòng thủ địa phương ở cấp làng. Tất cả các đơn vị này đều được huấn luyện thông qua sự hỗ trợ của Hoa Kỳ (Mary, 1961). Đại sứ Collins tuyên bố rằng quân đội Việt Nam sẽ không nhận được hỗ trợ tài chính từ Hoa Kỳ trừ khi họ trung thành với Thủ tướng Ngô Đình Diệm (Mary, 1961).

Qua đó cho thấy, Mỹ đã có nhiều đóng góp trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm đã vi phạm các điều cấm được qui định trong nội dung của Hiệp định Giơnevơ, đó là về việc cấm thêm quân đội, vũ khí, căn cứ và nhân viên quân sự.

### *2.3.3. Về kinh tế, xã hội*

Để tranh thủ sự trung thành của người nông dân đối với chính quyền, chính quyền Diệm đã ban hành nhiều chính sách về kinh tế, xã hội. Giống như các lĩnh vực khác, các chính sách cũng gắn liền với vai trò của Mỹ, cụ thể:



Mỹ đảm nhận vai trò cố vấn, viện trợ cho chính quyền Việt Nam Cộng hoà trong chính sách về ruộng đất, chính sách về tái định cư. Chuyên gia nông nghiệp người Mỹ, Wolf Ladejensky, được cử làm cố vấn cá nhân cho Diệm về cải cách ruộng đất từ tháng 1 năm 1956. Ngay trong giai đoạn sau năm 1954, các nhà lãnh đạo của cả Bắc và Nam Việt Nam đã đưa tái định cư vào các chiến lược phát triển nông thôn. Dự án tái định cư Cái Sắn, thuộc chương trình tái thiết nông thôn miền Nam, được tiến hành từ cuối 1955, được xem là chiến thuật chia để trị mà chính quyền Việt Nam Cộng hoà đã sử dụng. Đây là một phương tiện để thúc đẩy các mục tiêu quân sự và an ninh cho chính quyền Diệm. Bằng cách xây dựng một chuỗi khu định cư mới dọc theo biên giới Nam Việt Nam với Lào và Campuchia, sẽ xây dựng một "bức tường người" chống lại sự xâm nhập của cộng sản. Cũng như với việc di chuyển những người nông dân nghèo vào những khu vực này và cung cấp đất cho họ, Ngô Đình Diệm còn mong đợi sẽ nhận được tình cảm ủng hộ của người dân đối với chính phủ. Hoa Kỳ đã viện trợ cho việc tái thiết trong suốt 2 năm 1956, 1957 (Miller, 2013).

Ngoài ra, Mỹ còn thao túng, gây áp lực để chính quyền Việt Nam Cộng hoà phải thực hiện một số cải cách ruộng đất từ năm 1956 đến 1958 do người Mỹ nhận định trước đó, chính phủ Diệm đã mắc sai lầm khi ban hành một số sắc lệnh bãi bỏ hội đồng làng gây ảnh hưởng và mất lòng của bộ phận nông dân.

Hơn thế, cung cấp thêm luận điểm về vai trò của Mỹ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm trong thực thi các chính sách ở miền Nam, trong cuốn Kinh tế miền Nam thời kỳ 1955-1975, tác giả Đặng Phong có nêu: chính phủ Mỹ coi miền Nam Việt Nam là nơi thử nghiệm của nền dân chủ ở Châu Á. Người Mỹ cho rằng nếu Nam Việt Nam thành công trong việc tạo ra một hình thức chính phủ dân chủ thì các quốc gia Đông Nam Á khác cũng sẽ sẵn sàng làm theo. Do đó, chính phủ Mỹ sẵn sàng yểm trợ mọi mặt cho chính quyền Diệm từ nhân, tài, vật, lực cho chính quyền Diệm. Nhờ nó, chính quyền Sài Gòn có thể thực hiện được những điều mà họ muốn (Đặng, 2004).

#### **2.4. Hệ quả sự ảnh hưởng của Mỹ trong việc chấp hành Hiệp định Giơnevơ của chính quyền Việt Nam Cộng hoà**

##### *2.4.1. Đối với tình hình chính trị Việt Nam*

Đất nước tiếp tục bị chia cắt sau năm 1956, chính quyền Việt Nam Cộng hoà tiếp tục tồn tại và duy trì quyền lực ở Nam Việt Nam. Mọi đề nghị để tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956 của phía chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều không nhận được sự hợp tác từ chính quyền Ngô Đình Diệm, bởi chính quyền này đang bị chi phối, tác động từ đường lối chống cộng của Hoa kỳ (Trần, 2020).

Nam Việt Nam đã trở thành thành trì chống cộng của đế quốc Mỹ. Lợi dụng lúc Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện việc tập kết, chuyển quân, chính quyền Sài Gòn tiến hành khủng bố những người yêu nước, những người kháng chiến cũ. Với các khẩu hiệu: "tiêu diệt cộng sản tận gốc", "tiêu diệt cán bộ nằm vùng", "thà giết nhầm còn hơn bỏ sót", lực lượng quân đội, cảnh sát quốc gia được kích thích nên điên cuồng tàn sát những người có tình cảm với cách mạng hoặc bị tình nghi. Hàng loạt các vụ thảm sát xảy ra ở nhiều nơi, như: Quảng Trị, Bến Tre, Cần Thơ... (Nguyễn, 1996).

Chính những điều trên đã làm cho tình hình chính trị cả hai miền vô cùng căng thẳng và khí thế cách mạng sôi sục khắp miền Nam.

##### *2.4.2. Đối với tình hình kinh tế, xã hội miền Nam*

Các chính sách cải cách ruộng đất, chính sách kêu gọi dân di cư và tái định cư tác động đến bộ phận người dân, nông thôn miền Nam; gây nên sự xáo trộn lớn trong đời sống người dân.

*Thứ nhất*, chương trình cải cách ruộng đất thực chất đã không mang lại lợi ích cho người nghèo, người không có ruộng đất như mục tiêu ban đầu mà là cho những người khá giả nhiều hơn.

*Thứ hai*, đối với chương trình phát triển nông thôn miền nam với điển hình là dự án Cái Sắn sau khi được tiến hành: được Hoa Kỳ đảm bảo hỗ trợ vật chất và chuyên môn, đến tháng 2 năm 1956, có nhiều ngôi nhà được xây, nhiều con kênh được đào, dân di cư đến ngày càng nhiều. Đến tháng 5, chính phủ đã xử lý ba mươi ba nghìn người mới đến, việc chuẩn bị đất để trồng trọt đang được tiến hành. Mặt khác, do nhiều nguyên nhân, sự hỗ trợ về phương tiện của Hoa Kỳ không phát huy được hiệu quả; sự quá tải số dân di cư, chính quyền không thể kiểm soát và đáp ứng điều kiện về đất đai, nhà ở. Điều này đã dẫn đến cuộc xung đột diễn ra đã khiến chính phủ chống lại những người định cư (Miller, 2013).

Như vậy, không chỉ không đạt được mục tiêu ban đầu đặt ra mà còn gây nên hậu quả chính trị nghiêm trọng cho chính quyền Nam Việt Nam khi triển khai các chính sách về kinh tế, xã hội.

#### *2.4.3. Đối với tình hình quân sự các bên*

Về phía Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm: Đến tháng 6 năm 1956, Mỹ đã hoàn thành việc tổ chức quân đội Sài Gòn thành những đơn vị sư đoàn, trung đoàn với đầy đủ các binh chủng, quân đội chính quy được trang bị vũ khí Mỹ. Ngoài lực lượng quân chính quy không ngừng tăng về số lượng, được đào tạo, huấn luyện theo phương pháp Mỹ, chính quyền Diệm còn có lực lượng bán vũ trang trên dưới 30 vạn người, sẽ thực hiện chủ trương càn quét nội địa, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân. Các căn cứ quân sự có cố vấn Mỹ cũng được xây dựng ở nhiều nơi (Nguyễn, 1996).

Về phía chính quyền cách mạng: Xứ ủy Nam Bộ cũng có phương án dự phòng khi Mỹ và Ngô Đình Diệm không thi hành Hiệp định Giơnevơ, quay sang đàn áp phong trào chống đối nên chỉ dành một số lực lượng tập kết, còn một số ở lại duy trì lực lượng, hơn 6.000 đảng viên rút vào hoạt động bí mật, gần 10.000 khẩu súng và một số điện đài đã được chôn giấu (Đặng, 2004).

Tóm lại, việc Mỹ tác động đến chính quyền Ngô Đình Diệm trong vấn đề không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ 1954-1956 đã làm thành quả cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam chưa được phát huy một cách trọn vẹn. Nhân dân hai miền Nam - Bắc không thực thi được quyền dân tộc cơ bản, quyền tự do dân chủ; tình hình chính trị căng thẳng, nhất là ở miền Nam với nhiều chính sách gây ra xáo trộn cuộc sống người dân, thậm chí nhiều người dân bị áp bức, bị khủng bố, tàn sát... Thực tiễn đó đã đặt ra nhiệm vụ cho chính quyền cách mạng và nhân dân Việt Nam là phải đứng lên đấu tranh để thực thi, bảo vệ thành quả cuộc kháng chiến chống Pháp và thắng lợi của Hiệp định. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến phong trào Đồng Khởi (1959-1960) và cuộc đấu tranh những năm sau đó, kéo dài đến 1975 mới kết thúc.

### **3. Kết luận**

Hiệp định Giơnevơ được kí kết đã đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi. Các điều khoản trong Hiệp định mặc dù chưa phản ánh đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, nhân dân Việt Nam đã phải tiếp tục đấu tranh để bảo vệ thành quả cách mạng của giai đoạn 1945-1954 và để thực thi Hiệp định. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên, các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được các nước lớn công nhận tại một hội nghị đa phương, do đó, Hiệp định vẫn được coi thắng lợi lớn của cả dân tộc.

Nhận thức được vị trí chiến lược của Việt Nam đối với Mỹ trong cuộc đối đầu Đông - Tây, trong việc ngăn chặn “làn sóng đỏ” ở khu vực Đông Nam Á, trong suốt thời gian từ năm 1949 đến hội nghị Giơnevơ năm 1954 diễn ra, Mỹ đã có nhiều hành động, đối sách để bảo vệ

quyền lợi mà Mỹ có thể có được ở Việt Nam. Kết quả của hội nghị Giơnevơ đã đặt cơ sở, tạo điều kiện cho Mỹ duy trì sự ảnh hưởng lên một phần đất nước Việt Nam, đó là miền Nam Việt Nam.

Sau Hiệp định Giơnevơ được kí kết, chính quyền mới ra đời ở Nam Việt Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm, có sự gắn kết về lợi ích với Mỹ. Xét về nội dung các điều khoản được thoả thuận tại Hội nghị Giơnevơ, có một số điều khoản ảnh hưởng đến quyền lợi của cả Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm. Đó là điều khoản qui định về tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc sẽ diễn ra vào năm 1956 và nhóm các điều khoản qui định cấm đối với quân đội, vũ khí, căn cứ và nhân viên quân sự. Qua đó, chúng ta hiểu được nguyên nhân của vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thực thi nghiêm chỉnh các điều khoản trên. Và, trong vấn đề đó, có vai trò của Mỹ trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế và xã hội trong vấn đề chính quyền Ngô Đình Diệm không thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ 1954-1956. Đây là những luận cứ khoa học quan trọng về thời kỳ lịch sử những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ, giúp làm rõ thêm về nguyên nhân dẫn đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

#### **Tài liệu tham khảo**

- David, P. H. (2009). Dwight D. Eisenhower, The National Security Council, and Dien Bien Phu. *The gettysburg historical journal*. Truy cập từ <https://cupola.gettysburg.edu/ghj/vol8/iss1/7>.
- Đặng, P. (2004). *Kinh tế miền Nam thời kỳ 1955-1975*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- John, G. K. (1981). *The United States, Vietnam, and national interest*. Monterey, California: Naval Postgraduate School.
- Lê, H. L. (2012). *Phong trào Đồng khởi của quân và dân miền Nam*. Hà Nội: NXB Lao Động.
- Lê, M. N. (2015). Cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam. In trong Hoàng Phong Hà (Tổng biên tập). *Hiệp định Giơnevơ: 50 năm nhìn lại* (83 - 94). Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Mary, N. D. (1961). *United States policy toward Vietnam 1954 - 1956*. Kingston, Rhode Island: University of Rhode Island. Truy cập từ <https://digitalcommons.uri.edu/theses/1801>.
- Miller, E (2013). *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*. Cambridge, Massachusetts, and London, England: Harvard University press. Truy cập từ [https://ia801907.us.archive.org/25/items/misalliancengodinhdiemmilleredward5082/Misalliance\\_%20Ngo%20Dinh%20Diem%2C%20Miller%2C%20Edward\\_5082.pdf](https://ia801907.us.archive.org/25/items/misalliancengodinhdiemmilleredward5082/Misalliance_%20Ngo%20Dinh%20Diem%2C%20Miller%2C%20Edward_5082.pdf).
- Nguyễn, K. V. (2008). *Miền Nam Việt Nam từ sau Điện Biên Phủ*. Hà Nội: NXB Tri thức.
- Nguyễn, T. V. N. (2015). *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Việt Nam: Sự lựa chọn lịch sử*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn, V. M. (1996). *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, Tập II*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Nhiều tác giả. (2019). *300 ngày đấu tranh, thi hành Hiệp định Giơnevơ (22/7/1954-17/5/1955)*. Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân.
- Phan, V. C. (2019). Những ý định thay Ngô Đình Diệm của giới chức Mỹ từ Đặc sứ Lawton Collins đến Đại sứ Henry Cabot Lodge (1955-1963). *Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ - Khoa học Xã hội và Nhân văn, Số 3*, 99-108.

- Quỳnh, C. (1985). *Đồng Khởi Ở Bến Tre*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Rourke, J. D. (1988). *Eisenhower, Vietnam, and the Geneva Conference of 1954*. Norfolk, Virginia: Old Dominion University. Truy cập từ [https://digitalcommons.odu.edu/history\\_etds/229](https://digitalcommons.odu.edu/history_etds/229).
- Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2. (1954). *Hồ sơ số 14600. Hồ sơ về Hội nghị Genève năm 1954 Tập 6: Hồ sơ về Hội nghị Genève năm 1954 Tập 3: Hiệp định được kí kết ngày 20.7.1954*. Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hoà (1954-1975).
- Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2. (1954). *Hồ sơ số 14603. Hồ sơ về Hội nghị Genève năm 1954 Tập 6: Tuyên bố, treo cờ rủ ở các công sở sau ngày ký hiệp định, đón tiếp ông Trần Văn Đỗ*. Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hoà (1954-1975).
- Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2. (1955). *Hồ sơ số 32660. Hồ sơ về hoạt động của Thủ tướng Ngô Đình Diệm năm 1954-1955*. Phòng phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hoà (1954-1975).
- Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2. (1955). *Hồ sơ số 90. Bản tin tức về hội nghị Genève và vấn đề thực thi hiệp định Genève năm 1955*. Phòng Bộ Công chánh và Giao thông (1948-1966).
- Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2. (1955). *Hồ sơ số 2999. Các bài diễn văn, hiệu triệu và tuyên bố của Thủ tướng chính phủ 1949-1955*. Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hoà (1954-1975).
- Tài liệu Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2. (1956). *Hồ sơ số 18961. Tập Bản tin, Báo cáo của VTX v/v di cư, định cư năm 1954-1960 Tập 1: Cuộc di cư và định cư của đồng bào Bắc Việt năm 1956*. Phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hoà (1954-1963).
- Trần, B. Đ. (2011). *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập II (1954-1975)*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Trần, N.T. (2020). *Ngoại giao của chính quyền Sài Gòn (1955-1963)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.